

BẢN TIN NGHIỆP VỤ THÁNG 2 NĂM 2025

B. CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN - TRẢ LỜI

1. Tổng cục thuế. CV số 680/TCT-CS ngày 18 tháng 02 năm 2025

V/v thuế GTGT

Về giá đất được trừ để tính thuế GTGT

Việc xác định giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: (i) Trước ngày 12/9/2022, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ; (ii) Từ ngày 12/9/2022, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP.

Tại Điều 48 đến Điều 53 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 quy định về chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án bất động sản.

Tại điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2023 của Chính phủ quy định: Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Căn cứ quy định trên, để xác định giá đất được trừ khi tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản (xây nhà để bán) của Công ty TNHH Thương mại và phát triển kinh doanh Ánh Sao thì cần phải xác định lại bản chất giao dịch chuyển nhượng giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Thái Sơn và Công ty TNHH Thương mại và phát triển kinh doanh Ánh Sao là giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT hay chuyển nhượng dự án bất động sản thuộc hoạt động kinh doanh bất động sản để áp dụng chính sách thuế cho phù hợp.

Trường hợp đủ cơ sở xác định giao dịch chuyển nhượng nêu trên là kinh doanh bất động sản thì áp dụng thuế suất 10%.

2. Về việc xác định giá đất được trừ tính cho 1m² nhà để bán và xác định giá tính thuế GTGT để lập hóa đơn theo số tiền thu theo tiến độ

Trước ngày Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ và Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/2/2023 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành: Việc giá đất được trừ tính cho 1m² nhà để bán và xác định giá tính thuế GTGT để lập hóa đơn theo số tiền thu theo tiến độ thực hiện theo quy định tại điểm a.7, điểm b khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng. Từ ngày Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ và Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/2/2023 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2023/TT-BTC ngày 28/2/2023 của Bộ Tài chính.

**2. Cục thuế tỉnh Tiền Giang. CV số 452/CTTGI-TTH ngày 07 tháng 02 năm 2025
V/v: lập hóa đơn điện tử đối với hàng hoá cho, biếu, tặng**

- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, quy định về hóa đơn, chứng từ:
 - + Tại khoản 1 Điều 4 quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:
“1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.”
 - + Tại điểm đ khoản 6 Điều 10 quy định về nội dung của hóa đơn.
“...đ) Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại theo quy định của pháp luật thì phải thể hiện rõ khoản chiết khấu thương mại, khuyến mại trên hóa đơn. Việc xác định giá tính thuế giá trị gia tăng (thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng) trong trường hợp áp dụng chiết khấu thương mại dành cho khách hàng hoặc khuyến mại thực hiện theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng.”
 - Căn cứ khoản 3 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giá tính thuế:
“...3. Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương, là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này”
- Căn cứ hướng dẫn nêu trên, Cục Thuế tỉnh Tiền Giang có ý kiến như sau:
- Trường hợp Công ty dùng hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng khách hàng thì Công ty phải lập hóa đơn, trên hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

**3. Cục thuế tỉnh Tây Ninh. CV Số: 197/CTTNI-TTHT ngày 14 tháng 01 năm 2025
V/v chính sách thuế GTGT, TNDN**

- Căn cứ Thông tư số 186/2010/TT-BTC ngày 18/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo quy định của Luật đầu tư quy định:
- + Tại khoản 1 Điều 2 quy định:
“Điều 2. Lợi nhuận chuyển ra nước ngoài
 - 1. Lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư này là lợi nhuận hợp pháp được chia hoặc thu được từ các hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo Luật Đầu tư, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định.”
 - + Tại khoản 1 Điều 3 quy định:
“Điều 3. Xác định số lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài
 - 1. Lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài hàng năm là lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài được chia hoặc thu được của năm tài chính từ hoạt động đầu tư trực tiếp căn cứ trên báo

cáo tài chính đã được kiểm toán, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư cộng với (+) các khoản lợi nhuận khác như khoản lợi nhuận chưa chuyển hết từ các năm trước chuyển sang; trừ đi (-) các khoản nhà đầu tư nước ngoài đã sử dụng hoặc cam kết sử dụng để tái đầu tư tại Việt Nam, các khoản lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài đã sử dụng để trang trải các khoản chi của nhà đầu tư nước ngoài cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc cho nhu cầu cá nhân của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.”

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu

4. Cục thuế TP Đà Nẵng. CV số 1430/CTDAN-TTHT ngày 24 tháng 02 năm 2025 V/v quyết toán thuế TNCN với lao động điều chuyển

Căn cứ tiết d.1 và d.2 điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về quyết toán thuế TNCN:

“d) Thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế. Cụ thể như sau:

d.1) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi trả, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và thu lại chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).

d.2) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới theo quy định tại điểm d.1 khoản này thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.”

Theo đó, trường hợp người lao động ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên được điều chuyển làm việc từ công ty con sang công ty mẹ và đang làm việc tại thời điểm công ty mẹ quyết toán thuế thì người lao động được phép ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho công ty mẹ theo quy định tại tiết d.2 điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Công ty mẹ có trách nhiệm quyết toán thuế theo ủy quyền của người lao động đối với cả phần thu nhập do công ty con chi trả và thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do công ty con đã cấp cho người lao động từ 01/01/2024 đến 30/11/2024 theo hướng dẫn tại tiết d.1 điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

5. Cục thuế tỉnh daklak. CV số 360/CTĐLA-TTHT ngày 17 tháng 02 năm 2025
V/v chính sách thuế thu nhập cá nhân

1. Thời hạn quyết toán thuế TNCN

Căn cứ điểm a.5 khoản 3 Điều 21 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015

“a.5) Nguyên tắc khai quyết toán thuế đối với một số trường hợp như sau:

...

Trường hợp cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam nhưng trước khi xuất cảnh chưa làm thủ tục quyết toán thuế với cơ quan thuế thì có thể ủy quyền theo quy định của Bộ luật dân sự cho đơn vị trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác quyết toán thuế theo quy định nếu tổ chức, cá nhân đó cam kết chịu trách nhiệm với cơ quan thuế về số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của cá nhân theo quy định. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân trong trường hợp này chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày cá nhân xuất cảnh.”

2. Hồ sơ quyết toán thuế

Căn cứ danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP và mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC, hồ sơ quyết toán thuế TNCN gồm:

- Tờ khai quyết toán thuế TNCN: Mẫu số 02/QTT-TNCN.
- Phụ lục giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc: Mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN (nếu có).
- Chứng từ khấu trừ thuế: Do tổ chức trả thu nhập cấp.
- Bản sao hộ chiếu: Trang có thông tin cá nhân và các trang có đóng dấu nhập/xuất cảnh.
- Hợp đồng lao động và quyết định chấm dứt hợp đồng.
- Giấy xác nhận thu nhập: Từ tổ chức trả thu nhập.

Trường hợp cá nhân thực hiện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay thì cá nhân lập Giấy ủy quyền quyết toán thuế thu cá nhân theo mẫu số 08/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư 80/2021/TT-BTC.

3. Hoàn thuế TNCN

Căn cứ Điều 28 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“1. Việc hoàn thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với những cá nhân đã đăng ký và có mã số thuế tại thời điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế.

2. Đối với cá nhân đã ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện quyết toán thay thì việc hoàn thuế của cá nhân được thực hiện thông qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện bù trừ số thuế nộp thừa,

nộp thiếu của các cá nhân. Sau khi bù trừ, nếu còn số thuế nộp thừa thì được bù trừ vào kỳ sau hoặc hoàn thuế nếu có đề nghị hoàn trả.

3. Đối với cá nhân thuộc diện khai trực tiếp với cơ quan thuế có thể lựa chọn hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ sau tại cùng cơ quan thuế.

4. Trường hợp cá nhân có phát sinh hoàn thuế thu nhập cá nhân nhưng chậm nộp tờ khai quyết toán thuế theo quy định thì không áp dụng phạt đối với vi phạm hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn.”

Hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

Căn cứ Điều 42 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính quy định:

“a) Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện quyết toán cho các cá nhân có ủy quyền

Hồ sơ gồm:

a.1) Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 01/DNXLNT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này;

a.2) Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp người nộp thuế không trực tiếp thực hiện thủ tục hoàn thuế, trừ trường hợp đại lý thuế nộp hồ sơ hoàn thuế theo hợp đồng đã ký giữa đại lý thuế và người nộp thuế;

a.3) Bảng kê chứng từ nộp thuế theo mẫu số 02-1/HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này (áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập).

b) Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế, có số thuế nộp thừa và đề nghị hoàn trên tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân thì không phải nộp hồ sơ hoàn thuế.

Cơ quan thuế giải quyết hoàn căn cứ vào hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân để giải quyết hoàn nộp thừa cho người nộp thuế theo quy định.”

4. Trách nhiệm Quyết toán thay thuế TNCN

Căn cứ điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

“d) Thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế. Cụ thể như sau:

d.1) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi trả, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế...

d.2) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới theo quy định tại điểm d.1 khoản này thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm; đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng

và đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

d.3) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân với cơ quan thuế trong các trường hợp sau đây:

...

Cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh. Trường hợp cá nhân chưa làm thủ tục quyết toán thuế với cơ quan thuế thì thực hiện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác quyết toán thuế theo quy định về quyết toán thuế đối với cá nhân. Trường hợp tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác nhận ủy quyền quyết toán thì phải chịu trách nhiệm về số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm hoặc được hoàn trả số thuế nộp thừa của cá nhân.”

